



GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI HOA KỲ



**TRẠI CA DIẾP**  
**Hội Luận Kỹ Năng**  
**Đời Sống Trại**



- **Ý Nghĩa & Tinh Thần Trại Đời Sống Trại qua tên Trại CA DIẾP**
- **Người Đời Sống Trại Anh, Chị Là Ai?**
- **Phương Pháp Truyền Đạt trong Giáo Dục Phật Giáo và trong Môi Trường Gia Đình Phật Tử**

# Ý Nghĩa & Tinh Thần TRẠI ĐỜI SỐNG TRẠI qua tên Trại CA DIẾP

Hình dung Trại của Gia Đình Phật Tử và để đặt tên cho những Trại có tính cách năng động, trẻ trung, ít ai liên tưởng đến tôn giả Đại Ca Diếp, một trong 10 vị đệ tử lớn của đức Phật, vị tôn giả đệ nhất về hạnh Đầu Đà, ưa sống nơi hoang vu tĩnh mịch, với chiếc y cũ rách, cách ly với Tăng Đoàn, chủ trương tịnh hoá mình trước khi giáo hoá chúng sanh, vị tôn giả được đức Thế Tôn nể trọng như thượng khách, cũng là vị đệ tử mà Thế Tôn đã truyền y bát...

Cách đây không lâu (khoảng năm 2000) một bác sĩ người Pháp (Tàu dịch tên là Bá Khắc Sum) đã được gặp tôn giả Ca Diếp tại núi Kê Túc (Ấn Độ) và đã quy y với ngài (nghĩa là tôn giả Ma Ha Ca Diếp vẫn còn giữ được nhục thân cho đến hơn 2 ngàn 500 năm sau Phật niết bàn).

Vì vậy, muốn hiểu tại sao Ban Điều Hành Trại Đời Sống Trại của Hoa Kỳ chọn tên Trại này, xin lược qua đôi dòng lịch sử cuộc đời rất đặc biệt - gần như huyền thoại, của tôn giả.

## **A. THÂN THẾ VÀ SỰ NGHIỆP TU TẬP CỦA NGÀI ĐẠI CA DIẾP (Maha Cassyapa)**

### **I. THỜI THƠ ẤU:**

#### **1. Chào đời dưới 1 gốc cây:**

Ngài Ma ha Ca Diếp sinh ra trong một gia đình trưởng giả dòng dõi Bà La Môn, rất giàu có ở

gần thủ đô Vương Xá (Rajagaha) của xứ Ma Kiệt Đà (Magadha); gia sản của thân sinh ngài không thua gì tài sản của vị vua đương thời là Tần bà Sa la (Bimbisara). Sự đản sanh của ngài rất đồng dạng với ngày Phật Thích ca đản sanh: lúc ngài chào đời cũng có những điềm lành báo trước giống như trong ngày đản sanh của Phật. Lúc đó thân mẫu của ngài đang dạo chơi trong vườn bỗng cảm thấy mệt mỏi bèn đến ngồi nghỉ dưới bóng một cây lớn, và sinh ra ngài. Ngài cũng có đầy đủ những tướng tốt và vẻ đẹp của đức Phật, được đặt tên là Tất Bát La Đa Na (sinh dưới gốc cây Tất bát la) Càng lớn thân ngài càng chói sáng sắc vàng làm mờ các sắc khác nên được gọi là Ca Diếp (dịch nghĩa là Âm Quang = ánh sáng làm mờ các ánh sáng khác)

## **2. Về giáo dục:**

Ngay từ lúc 8 tuổi, ngài đã được hấp thụ một nền giáo dục không thua các vị vương giả; và vì tư chất thông minh, khi Ca Diếp trở thành 1 chàng thanh niên tuấn tú thì chàng cũng đã học thông 4 bộ Kinh Phệ Đà, văn chương, toán học, ngũ minh, cầm kỳ thi họa cho đến thiên văn, tướng số, và cả “hô phong hoán vũ” nữa (làm mưa, làm sấm nổ, sét đánh v.v..) Không có môn học nào mà ngài không thông suốt, thấu triệt, khiến cho các thầy giáo dạy ngài phải bái phục.

## **3. Tính cách đặc biệt của cậu bé và chàng thanh niên Ca Diếp.**

Một điều đặc biệt là cậu bé Ca Diếp không giống các trẻ em khác, không thích ăn ngon, không thích được vuốt ve âu yếm, còn chàng thanh niên Ca Diếp thì không thích dục lạc thế gian, chán ghét bất tịnh, chỉ thích ở 1 mình, xa lìa

đám đông... Vì vậy song thân của chàng rất lo ngại cho việc vợ con của chàng sau này

## **II. THỜI KỶ NIÊN THIẾU:**

### **1. Hôn nhân: Người vợ không chung chăn gối**

Khi bàn đến việc hôn nhân, Ca Diếp thưa với cha mẹ rằng: điều mong muốn duy nhất của con là được tu đạo, có vợ có con thì trở ngại cho việc tu trì lắm. Nhưng chàng là con một, không thể từ chối mãi, nên Ca Diếp mới nghĩ ra 1 cách, chàng nhờ một kiến trúc sư đến đúc một pho tượng thiếu nữ bằng vàng sáng rỡ, rồi thưa với cha mẹ rằng nếu cha mẹ tìm ra một người giống hệt pho tượng này thì chàng sẽ cưới làm vợ, nếu không suốt đời sẽ không lấy vợ. Thế là cực khổ cho gia nhân, phải bôn ba đi tìm cho ra giai nhân giống pho tượng! Nhưng rồi họ cũng tìm ra được một giai nhân tuyệt sắc làm mờ cả pho tượng vàng nhưng nét mặt u buồn. Đó là nàng Diệu Hiền, con gái của một đại phú hào ở thành Tỳ Xá Ly. Hai nhà cũng biết tiếng nhau nên việc cưới hỏi cũng dễ dàng nhanh chóng. Trong đêm tân hôn, chàng thanh niên Ca Diếp mới biết được cô dâu cũng rất ghét ngũ dục, chỉ muốn tu phạm hạnh; thế là 2 người tâm đầu ý hiệp, sống với nhau trên danh nghĩa vợ chồng nhưng thực chất là hai người bạn đạo, giữ gìn thanh tịnh cho nhau trong suốt 12 năm trời.

### **2. Xuất gia học Đạo:**

Vì là con một nên Ca Diếp không thể bỏ nhà ra đi mặc dù cả 2 vợ chồng đều quyết chí xuất gia cho nên sau 12 năm bị ghép vào hôn nhân (giả) đến nay cha mẹ đã qua đời, 2 người quyết chí xuất gia học đạo. Chúng ta để riêng nàng Diệu Hiền, chỉ nói về chàng thanh niên Ca Diếp, lúc ấy

đã 30 tuổi, sau này sẽ là tôn giả Ma Ha Ca Diếp, vị đại đệ tử của đức Phật Thích Ca. Ngày mà chàng Ca Diếp rời nhà đi tìm đạo cũng là ngày Thái Tử Tất Đạt Đa thành Phật dưới cội Bồ Đề, hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

### **III. THỜI KỲ XUẤT GIA:**

#### **1. Làm đệ tử đức Phật:**

Sau 2 năm tìm thầy học Đạo, Ca Diếp chưa tìm ra được minh sư, thì có người cho biết đức Thích Ca Mâu Ni chính là bậc đại giác, ngài có cả ngàn đồ đệ tại tịnh xá Trúc Lâm, ở gần thành Vương Xá, trong đó có rất nhiều đạo sĩ nổi tiếng đã quy y với ngài như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên... Khi Ca Diếp tìm đến, chàng không thưa hỏi điều gì đặc biệt chỉ im lặng nghe đức Phật thuyết pháp, những lời của ngài kích động tâm can Ca Diếp và ngày này qua ngày khác, Ca Diếp vẫn là một người nghe Pháp trung thành của đức Phật... Một hôm, sau khi nghe giảng, chàng trở về thành Vương Xá thì giữa đường chàng nhìn thấy đức Phật đang ngồi tĩnh tọa dưới một gốc cây ở bên đường, chàng rất ngạc nhiên vì khi ra về chàng nhìn thấy rất rõ ràng Đức Phật đang ở trong tịnh xá, đang ngồi ở bảo tòa pháp vương kia mà! Ca Diếp bèn đến đánh lễ Phật và xin quy y với ngài. Đức Phật nói:

- Nay Đại Ca Diếp, Ông chính thật là đệ tử của ta, trên thế gian này, người nào chưa chứng quả vị Chánh Giác không dám nhận Ông làm đệ tử đâu, ông hãy theo ta!

Rồi Đức Phật từ từ đứng dậy, đi về tịnh xá Trúc Lâm, Đại Ca Diếp theo sau vừa cung kính vừa cảm phục đến rơi lệ. Đức Phật nói:

- Ta nghe nói về Ông đã lâu, ta biết thế nào Ông cũng đến cầu Đạo với ta. Hôm nay là ngày ông được tiếp độ. Phật Pháp lưu truyền về sau cần Ông rất nhiều; vì chúng sanh và vì chính mình, Ông nên thận trọng!

Về đến Trúc Lâm đức Phật làm lễ thế độ cho Ca Diếp và nói Pháp Tứ Đế, 12 nhân duyên... chỉ 8 ngày sau, tôn giả Ma ha Ca Diếp đã được khai ngộ!

## **2. Cứu độ cho hiền thê Diệu Hiền**

Sau khi Ca Diếp xuất gia được vài năm, nàng Diệu Hiền cũng giao nhà lại cho quản gia và sống đời xuất gia, theo phái lõa hình đang tu tập bên bờ sông Hằng. Vì dung nhan mỹ lệ, nàng đã chịu bao điều lăng nhục. Tôn giả Ca Diếp nhập định và biết được điều này, cũng may mắn nhờ gặp duyên lành là lúc đó đã có giáo đoàn Tỳ kheo ni nên Tôn giả xin phép đức Phật cho Diệu Hiền gia nhập ni viện; Tôn giả nhớ lời giao hẹn năm xưa (cùng giúp đỡ nhau tu học) nên đã tận tình giúp đỡ Diệu Hiền trong việc tu tập và bản thân nàng Diệu Hiền cũng tu hành rất nghiêm túc. Đức Phật đã từng khen: trong Chúng Tỳ Kheo Ni, không ai có thể sánh với Tỳ kheo Ni Diệu Hiền về mặt Túc mạng Thông.

## **3. Tư cách và chí nguyện cao cả đối với Giáo Đoàn:**

\*\* Mặc dù việc biện luận với ngoại đạo và dạy dỗ các Tỳ kheo là việc của đức Phật cùng với các tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên... còn Đại Ca Diếp chỉ chuyên tu tập nhưng sức tu học của tôn giả Đại Ca Diếp rất thâm hậu, nên có khi cả ngài Xá Lợi Phất cũng phải rời hang động tu tập của mình, đến thỉnh ý tôn giả để trả lời những

câu vấn nạn học búa của ngoại đạo thời bấy giờ. Ví dụ họ hỏi: Sau khi Niết Bàn, Phật còn sinh tử? không còn sinh tử? Chẳng phải sinh tử? Cũng chẳng phải không sanh tử? (cách hỏi này được gọi là “tứ cú”).

Xá Lợi Phất hỏi Đại Ca Diếp: tại sao đức Thế Tôn chưa từng giải đáp về vấn đề này? tại sao không thể nói ra với những người ngoại đạo để khuất phục họ?

Đại Ca Diếp liền trả lời: Như Lai đã sạch hết ái chấp, tâm không còn phiền não, vĩnh viễn giải thoát. Sự chứng ngộ của ngài rộng lớn sâu xa, không thể dùng “tứ cú” của mê tình để hỏi, cũng không thể dùng ngôn từ hạn hẹp của người mê để đáp. Chỉ vì vấn đề ấy không nên hỏi nên ngài không giải đáp.

Xá Lợi Phất nghe câu trả lời thật lấy làm thích thú, cáo từ và trở về hang động của mình.

\*\* Mặc dù tôn giả Đại Ca Diếp chỉ thích chuyên tu trong rừng, nơi đồng trống, trong bãi tha ma v.v... nhưng đức Phật vẫn tín nhiệm giao cho tôn giả việc quan sát tình hình Tín Chúng và tôn giả đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Ví dụ, một lần kia, đức Thế Tôn bảo Đại Ca Diếp đến thành Khoáng Dã để quan sát tình hình Giáo đoàn ở đó. Tôn giả sau khi đi quan sát đã về trình bày lại rõ ràng những hiện tượng tiêu cực của một số Tỳ kheo làm cho tín đồ càng ngày càng rời xa Tăng Đoàn. Đức Phật bèn đích thân đến đó tập trung tất cả tỳ kheo lại và dạy rằng:

- Các Tỳ kheo! Chánh pháp của ta lưu truyền lâu dài đều nhờ sức thanh tịnh và cao



thượng của Tăng đoàn. Người đến mức vô cầu mới là thanh cao. Các ông không được đòi hỏi tín đồ đóng góp quá nhiều, trái lại, các Ông phải là người công hiến cho họ. Nhiệm vụ của các ông là hoằng Pháp độ sinh chứ không phải bắt tín đồ lo cho mình chỗ ăn chỗ ở. Các ông xây giảng đường để thuyết pháp, thiết lập tịnh xá để cùng nhau tu học thì được nhưng nếu mỗi người tự làm chùa, lập am lê tế, hưởng thọ cúng dường, không lo tinh tấn tu tập, rồi am này tranh chấp với am kia, chùa này đổ kỵ chùa nọ v.v... sẽ làm phân tán lực lượng của Tăng Đoàn, sinh ra chia rẽ, riêng tư, làm giảm uy tín của Giáo đoàn nữa.

#### **4. Câu chuyện A nan tặng bát:**

Câu chuyện này nói lên lòng ưu ái đặc biệt của đức Phật đối với tôn giả Ca Diếp. Hồi đó trong Tăng Đoàn có nhóm Lục Quân Tỳ kheo không lo tu hành gì cả, suốt ngày lo sưu tầm bình bát quý đủ loại, đem về cất trong phòng làm như một tiệm đồ gốm! Vì luật không cho tích trữ gạo thóc, tiền bạc, vàng ngọc v.v... nên mấy ông này quay qua việc tích trữ đồ cổ!! Thế là đức Thế Tôn lại phải cấm chỉ không được tàng trữ bình bát! Trong lúc đức Phật sắp ban hành điều luật này thì tôn giả A Nan được cúng dường một bình bát rất quý, muốn đem tặng cho Đại Ca Diếp nhưng tôn giả Ca Diếp còn bận đi du hoá ở nước ngoài, 10 ngày nữa mới có mặt ở thành Vương Xá nên nếu theo luật mới thì A Nan không thể giữ cái bát quý đó để chờ Ca Diếp được, thế là A Nan phải thưa trình với đức Phật, ngài bèn phải cho phép đại chúng cất chứa bát dư trong 10 hôm nữa, (để A Nan có thể đợi Ca Diếp về đem tặng bình bát quý này!! ☺ ☺ !!)

## **5. Ưu tu khổ hạnh:**

Từ lúc còn trẻ cho đến khi đã về già, tôn giả Ca Diếp vẫn một lòng ưa thích tu tập hạnh Đầu đà không hề sai phạm mảy may, được đức Phật khen ngợi; ban đầu các tôn giả Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên cũng “ý kiến” với ngài, đề nghị rằng với công phu tu tập và sự hiểu biết thâm sâu Giáo lý, ngài nên hoằng Pháp lợi sanh nhưng ngài kiên quyết trả lời: Đối với việc giáo hoá chúng sanh, tôi không thể làm được; quên tự ngã không phải là chuyện dễ đâu! Dạy dỗ những người ác độc, ngang ngược, không có tín tâm như thế, tôi tự lượng sức mình thật chẳng có dũng khí và sức lực nên chỉ xin sinh hoạt tự tu cho chính mình, bền bỉ trong việc khổ hạnh kham nhẫn, thiếu dục tri túc, giúp cho những ai ưa thích hạnh Đầu Đà này; việc hoằng Pháp độ sanh lớn lao kia, xin trông cậy hoàn toàn vào các vị. Từ đó mỗi người mỗi việc lo cho Tăng Đoàn, không ai ý kiến với Đại Ca Diếp nữa.

Khi tôn giả đã già yếu, râu tóc bạc trắng, đức Phật có khuyên tôn giả không nên tiếp tục khổ hạnh, vì tuổi đã cao cần phải tịnh dưỡng, đừng chịu thêm nhiều khổ nhọc như thế thì tôn giả cũng không chịu thay đổi, và thưa với Phật rằng: Bạch Thế Tôn, hạnh Đầu Đà đối với con chẳng phải là khổ nhọc, trái lại, rất an lạc. Con không bị lo lắng ưu phiền về thức ăn, y phục... không màng sự được mất, hơn thua của thế gian nên con chỉ cảm thấy sự tự do thanh tịnh mà thôi! So với nhiệm vụ cao cả là tuyên dương chân lý của các tôn giả Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Phú Lâu Na, Ca Chiên Diên, các vị không quản khó khăn, không tiếc thân mạng... con tuy không theo kịp nhưng con vì muốn trực tiếp củng cố Tăng Đoàn, gián tiếp lợi ích chúng sanh nên nguyện không xả bỏ khổ hạnh

vì Pháp môn này cũng là một sinh hoạt nghiêm túc, tập quen được lối sống ấy mới có thể khắc khổ, nhẫn nại, kham nhẫn đấm bạc, nhất tâm nhất đức vì Pháp, vì chúng sanh! Xin Thế Tôn lượng thứ cho tính cách cố chấp của đệ tử.

Đức Phật nghe xong rất hoan hỷ, ngài nhìn Đại Ca Diếp rồi nhìn đại chúng nói: Rất tốt, Tỳ kheo các ông có nghe lời trưởng lão Đại Ca Diếp vừa nói không? Tương lai chánh Pháp của ta nếu bị hủy diệt thì không phải do thiên ma ngoại đạo phá hoại mà chính là do sự thối nát hủ bại làm tan nát Tăng Đoàn! Đại Ca Diếp nói rất đúng, muốn hoàng dương chánh Pháp trước hết phải củng cố tăng đoàn, muốn củng cố Tăng đoàn phải sinh hoạt nghiêm túc. Người như Đại Ca Diếp mới có thể phụ trách chủ trì Chánh Pháp của ta. Này Ca Diếp, ông cứ tùy theo ý nguyện của mình mà tiến tu đạo nghiệp, ta không ép ông. Khi nào muốn gặp ta thì cứ tùy thời mà đến! Như vậy có nghĩa là Đức Phật đã ẩn chúng cho tôn giả Đại ca Diếp rồi!

## **6. Nói tiếp Y Bát của đức Thế Tôn:**

Vào năm đức Thế Tôn được 80 tuổi, ứng thân hóa độ thế gian của ngài đã mãn, ngài báo tin sẽ nhập Niết bàn. Cũng vào năm ấy, trước tiên là tôn giả Mục Kiền Liên tuần nạn, rồi đến tôn giả Xá Lợi Phất hồi hương nhập diệt, xong đến tin đức Phật sắp nhập Niết bàn... trong Tăng Đoàn đâu đâu cũng toàn một bầu không khí buồn bã... Khi đức Phật nhập diệt ở thành Câu Thi Na thì tôn giả Ca Diếp đang hướng dẫn 500 vị tỳ kheo đi du hoá ở phương Bắc; được tin buồn, liền đi suốt ngày đêm để sớm trở về. Lúc ấy kim quan của đức Phật đặt tại chùa Thiên Phú, chư đệ tử vây quanh làm lễ trà tỳ nhưng đốt hoài không cháy; 7 ngày sau, khi Đại Ca Diếp về đến, từ trong kim quan hai chân

Phật lộ ra, tôn giả trông thấy không cầm được nước mắt, chấp tay đánh lễ và thưa rằng: “Đức Thế Tôn từ bi! bậc cứu thế vĩ đại, xin an tâm, chúng con sẽ đi theo bước chân của ngài.” Đại Ca Diếp nói xong, hai chân Phật rút về bên trong.

### **7. Kết tập 3 Tạng Kinh điển**

Sau khi Phật niết bàn khoảng 90 ngày, Đại Ca Diếp chủ trì một hội nghị gồm 500 vị A La Hán để kết tập kinh điển. Trong đại hội này, tôn giả Đại Ca Diếp đã quở trách A Nan chưa chứng được thánh quả, A Nan nhận tội và phải đứng dậy ra khỏi phòng hội nghị của những bậc A La Hán; nhờ vậy A Nan nỗ lực tu tập thiền định, chỉ trong 1 ngày, 1 đêm, ngày hôm sau có đủ tư cách đi vào phòng hội nghị, được Đại Ca Diếp giao cho tụng Kinh, Ưu Bà Ly tụng Luật, Phú Lô Na luận nghị. Đó là lần kết tập kinh điển vĩ đại nhất, nhờ tôn giả Đại Ca Diếp đủ sức thống lý đại chúng không để cho Giáo Đoàn bị chia 5 xẻ 7, hoàn thành được lần kết tập đầu tiên trong tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái

### **8. Nhập diệt:**

Lúc ấy Đại Ca Diếp đã được 100 tuổi, đã già yếu nhiều, nên quyết định nhập niết bàn. Ngài bèn đến nơi A Nan đang du hoá, bàn giao lại Pháp tạng, yêu cầu A Nan tiếp nối sứ mạng (cho nên A Nan chính là vị Tổ thứ 2 sau Đại Ca Diếp) rồi ngài đến núi Kê Túc (phía tây nam thành Vương Xá) phong cảnh rất đẹp, có 3 đỉnh cao chót vót, hình dáng giống như chân con gà, phân nửa trên là rừng già, phân nửa dưới là thảm cỏ xanh tươi. Khi tôn giả đến dưới chân núi, 3 đỉnh núi từ từ tách ra thành một nơi tọa thiền bên trong, rất đẹp. Tôn giả lấy cỏ trải tòa để ngồi và tự phát lời nguyện: “hôm nay ta sẽ dùng sức thần để giữ nhục thân này đến

67 ức năm sau khi Bồ tát Di Lặc thành Phật ra đời, ta sẽ đến bái kiến ngài và giúp ngài giáo hoá chúng sanh” dứt lời thì ba ngọn núi khép lại như cũ, giấu kín tung tích tôn giả Đại Ca Diếp. Vua A Xà Thế được tin tôn giả Đại ca Diếp đã nhập diệt, lập tức đi tìm tôn giả A Nan yêu cầu tôn giả đi với Vua lên núi Kê Túc; khi hai người vừa đến nơi thì 3 ngọn núi lại tách ra, 2 người đi vào thấy Đại Ca Diếp đang nhập định, trên mình phủ đầy hoa mạn đà la; hai người lễ bái cúng dường rồi lui ra, 3 ngọn núi tự động khép lại. Câu chuyện này mặc dù có ghi chép trong Kinh nhưng đối với chúng ta như là một huyền thoại, vì sức hiểu biết của chúng ta chưa đạt tới được cũng như huyền thoại Lưu Nguyễn lạc vào Thiên Thai vậy. nhưng với các nhà Thần thoại học, huyền thoại chính là những ký ức lịch sử bị lu mờ bởi những lớp bụi thời gian và trong nhiều trường hợp huyền thoại ấy còn phản ánh trung thực hơn những cái mà ngày nay ta thường nghĩ là những “sự thật lịch sử”

## **B. NHỮNG BÀI HỌC MÀ NGƯỜI HUYNH TRƯỞNG ĐỜI SỐNG TRẠI PHẢI HỌC THEO HẠNH NGÀI:**

Qua tiểu sử của ngài được minh họa bằng những chuyện kể thật sống động, chúng ta học được ở ngài rất nhiều đức tính mà người Huynh Trưởng nói chung và đặc biệt người Đời Sống Trại:

### **1. Thân giáo:**

Nói sao làm vậy, làm gương cho đại chúng noi theo; lo tự tu dưỡng trước, rồi mới chỉ bày cho người khác được

## **2. Ý chí sắt đá:**

Kiên quyết thực hành lời nguyện của mình mà không sợ bị chê bai là cố chấp.

## **3. Tinh thần trách nhiệm:**

Khi đức Phật và 2 vị đại đệ tử Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đều đã nhập diệt, tôn giả Đại Ca Diếp tự đứng ra nhận nhiệm vụ kết tập kinh điển

## **4. Chí công vô tư:**

Thăng thần quở trách A Nan khi A Nan vì thiếu tinh tấn chưa chứng đắc, khi Phật còn tại thế, nhưng sau đó giao phó Pháp tạng cho A Nan và yêu cầu A Nan thống lãnh Tăng Đoàn.

## **5. Những đức tính khác:**

Khắc khổ, tự chế, kham nhẫn, đoạn trừ ràng buộc, hoàn thành tịnh hạnh: đây cũng chính là những đức tính rất cần thiết cho một Đời Sống Trại gương mẫu để nêu gương tinh tấn, kham nhẫn, chịu đựng gian khó v.v... đối với Trại sinh.

## **6. Chủ trương sinh hoạt nghiêm túc để củng cố Tăng Đoàn:**

Đối với Anh Chị Em Huynh trưởng chúng ta cũng vậy, Tổ chức Gia Đình Phật Tử có “đi lên” hay không là do sinh hoạt của chúng ta có nghiêm túc hay không? việc tu học và huấn luyện có thường xuyên hay không, chứ không phải là cứ lo cãi nhau, hý luận, chia rẽ...

## **C. KẾT:**

Người Đời Sống Trại tuy không phải là Trại trưởng

Người Đòi Sống Trại cũng không cần phải là Giảng Viên, Thư Ký Trại, Họa Mi Trại v.v... cũng không phải là một trại sinh, nhưng người Đòi Sống Trại cần phải kiên trì học hỏi như một trại sinh về tất cả những đức tính cần phải có của một người lãnh đạo, những kỹ năng của một giảng viên giỏi, những đức tính cần cù nhẫn nại, nhận xét sắc bén, trí nhớ tốt, ghi chép giỏi... của một người Thư ký trại, phải biết và thuộc nhiều bài hát, không thua gì một Họa mi Trại, và điều khiển giỏi nhiều trò chơi cũng như khả năng chinh phục cảm tình của mọi người nói chung, Trại sinh của mình, nói riêng.

Mỗi người chúng ta trên sân khấu cuộc đời đều là những diễn viên, người Huỳnh Trường Gia Đình Phật Tử phải đóng thêm một vai trong tổ chức Gia Đình Phật Tử và riêng người Đòi Sống Trại lại phải đóng nhiều vai trò trong các Trại họp bạn, huấn luyện, v.v... nữa. Chúng ta sống trong cuộc đời giả tạm nhưng với Tâm chân thành được trang bị bằng giáo lý giải thoát nên sống tự tại và chân thật giữa thế gian đầy thị phi, phiền não.

Càng làm nhiều càng phạm nhiều sai lầm, càng có nhiều kinh nghiệm, càng trở nên giỏi, xuất sắc, lý tưởng. Vì vậy, người Huỳnh trưởng ĐST hơn ai hết là người tôn trọng kỷ luật, chịu huấn luyện, có tinh thần trách nhiệm cao, chí công vô tư, biết lắng nghe, biết chia sẻ, biết học tập trong mọi lúc ở mọi nơi... để trở thành những trụ cột vững chắc của Tổ chức, của cộng đồng và nhất là tấm gương sáng cho đàn em noi theo giống như ngài Ma Ha Ca Diếp với Đạo Phật vậy.

**tâmminh**

# NGƯỜI ĐỜI SỐNG TRẠI

## Anh, Chị Là Ai?

### A. MỞ:

3 chữ “Đời Sống Trại” gợi lên cho Anh Chị Em chúng ta rất nhiều ý nghĩa:

- Đời sống ở Trại, khác với sống ở nhà, ở trường, ở công sở v.v... vì sống gần gũi thiên nhiên.
- Huynh trưởng phụ trách sinh hoạt chung, gạch nối giữa Ban Quản trại và trại sinh v.v...

Ở đây xin được giới hạn trong phạm vi nói về Huynh Trưởng phụ trách Đời Sống Trại nên xin thêm vào 1 chữ “người”: “Người Đời Sống Trại”.

Thật ra, trước hết, và trên hết, khi chưa được huấn luyện đặc biệt, chúng ta đều là những Huynh Trưởng bị bắt buộc phải đa năng, đa hiệu, đa dụng, nghĩa là phải ở trong tư thế sẵn sàng nhận nhiệm vụ, từ tập sự thư ký đơn vị, đến Chấn Đàn, coi Đoàn Thiếu Nam Thiếu Nữ khi các Đoàn thiếu cả Đoàn trưởng lẫn Đoàn phó,... nghĩa là “thiếu đâu điền vào đó” không khác gì một thầy giáo PHỤ trong một trường học.

Vì thế, người Đời Sống Trại, trước hết và trên hết, là một Huynh Trưởng với những đức tính của một Anh, Chị Trưởng hướng dẫn đàn em của mình tu học; sau đó là những đặc tính về chuyên môn, về tay nghề v.v...



## B. NGƯỜI ĐỜI SỐNG TRẠI ANH, CHỊ LÀ AI?

### 1. là một nhà giáo dục, một Huynh Trưởng huấn luyện viên:

- CÓ TƯ CÁCH TÁC PHONG ĐẠO ĐỨC THẬT TỐT:

Ngoài tư cách và tác phong gương mẫu của người Huynh Trưởng mà chúng ta đã biết trong nội dung trại Huấn luyện A Dục, người Đời Sống Trại còn phải trau dồi đặc biệt những đức tính sau đây: hết sức ***khiêm tốn, cẩn trọng và bao dung*** bởi vì hơn ai hết người Đời Sống Trại luôn luôn tiếp xúc với các anh chị lớn hơn mình về tuổi tác về cấp bậc v.v... (nên phải hết sức nhỏ nhẹ, khiêm tốn), luôn phải đối diện và giải quyết những vấn đề hết sức tế nhị, có khi giữa các trại sinh, có khi giữa Ban Quản Trại và trại sinh (cho nên phải hết sức cẩn trọng) và phải thường xuyên trông coi, để ý theo dõi trại sinh của mình, những người đang được huấn luyện và cũng thường xuyên phạm sai lầm (cho nên người Đời Sống Trại phải biết tha thứ, bao dung).

Ngoài ra, người Đời Sống Trại luôn giữ cho mình một sự quân bình trong Tâm (***Tâm bình khí hoà***) vì những công tác ở Trại của người Đời Sống Trại là luôn luôn “động” nhưng xử lý các tình huống, giải quyết các vấn đề lại đòi hỏi một sự tĩnh lặng, tập trung cao độ... nói cách khác, người Đời

Sống Trại của Gia Đình Phật Tử rất cần THIÊN trong đời sống, không chỉ “thiên” theo thời khóa biểu mà gần như “sống thiên” - phong cách an nhiên tự tại của người Đòi Sống Trại chính là bài học rất hay cho trại sinh.

- **CÓ TRÌNH ĐỘ VÀ KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN:**

\*\* trình độ & khả năng về văn hoá, tư tưởng: mặc dù Gia Đình Phật Tử nói riêng, tổ chức Giáo dục Phật giáo nói chung không chủ trương chú trọng văn bằng, khoa cử nhưng người Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử phải có trình độ văn hoá và tư tưởng tương đối để có thể tiếp nhận Phật Pháp, mới có vốn liếng trao truyền cho các em cũng như có căn bản để học hỏi, nghiên cứu những vấn đề về kiến thức tổng quát hay chuyên môn khác,

Ví dụ:

\*\* Có kỹ năng về những sinh hoạt Gia Đình Phật Tử.

\*\* Nhạy bén trong sự nắm bắt những ưu tư của trại sinh.

\*\* Nhạy bén trong việc giải quyết những vấn đề chung và riêng.

\*\* có những sáng kiến, kinh nghiệm trong việc làm cho Trại hưng phấn, lớp học sinh động, các buổi hội thảo sôi nổi...

\*\* biết học hỏi trong mọi lúc: vừa trao truyền vừa học hỏi cũng là một năng

khieu của người ĐST; nhiều ACE trại sinh có những khả năng chuyên môn đặc biệt mà qua trao đổi, liên lạc, người ĐST có thể học hỏi, tìm hiểu để nâng cao trình độ của mình.

- **VỀ GIẢNG HUẤN:**  
Mặc dù đã có khối Giảng Huấn của Trại nhưng sự hỗ trợ của Đời Sống Trại rất lợi ích và cần thiết, nếu không khối Giảng Huấn nói riêng, toàn trại nói chung, không làm chủ thời gian được, không khí trại sẽ uể oải, trể nãi dài dài... và đưa đến **PHẢN TÁC DỤNG GIÁO DỤC, HUẤN LUYỆN**; ngoài ra, người Đời Sống Trại có thể giúp Anh Chị Em khối Giảng Huấn biết được những đề nghị yêu cầu của trại sinh mà vì lý do tế nhị trại sinh không đưa ra Ban Quản Trại.

## **2. là một nhà giáo dục mới:**

- (giáo dục tuổi trẻ theo tinh thần Phật giáo) của một nền Giáo dục Phật Giáo.

\*\* đó là 1 nền giáo dục **nhân bản, dân tộc và khai phóng**.

\*\* thế nào là 1 nền Giáo Dục nhân bản - **humanity** - nghĩa là con người được giáo dục phải biết mình là ai (ví dụ như người Phật tử thì biết mình là sự kết hợp của 12 nhân duyên, hay mình là một hợp thể của 5 uẩn v.v...).

\*\* thế nào là một nền Giáo Dục dân tộc - **nationality** - nghĩa là giáo dục cho chúng ta biết nguồn

gốc của mình, ông bà tổ tiên mình là ai, đất nước của mình nằm ở đâu? lịch sử dân tộc mình như thế nào v.v...

**\*\* thế nào là 1 nền Giáo Dục khai phóng - liberal**  
- nghĩa là dạy cho con người biết mở mang trí tuệ và tâm thức, biết tiếp thu những tinh hoa của thế giới, những thành quả của khoa học hiện đại, và biết mở rộng lòng ra đón những ngọn gió mới làm cho cuộc đời tươi mát hơn chứ không chỉ khur khur ôm lấy quá khứ của mình, đồng họ mình, dân tộc mình, chấp chặt vào những định kiến... để trở nên lạc hậu.

(Phật Giáo đã có mặt trên 2500 năm nhưng quan điểm Giáo Dục của Phật Giáo cho đến thế kỷ 20 nhân loại mới theo kịp, nền Giáo Dục toàn diện trên thế giới hiện nay phải hội đủ 3 yếu tố trên đây - điều này đức Phật đã nói cách đây hơn 2 thế kỷ)

**3. là một huấn luyện viên, xuyên qua nghề Đời sống Trại, “thấy” được giáo lý “Một là Tất Cả, tất Cả là Một”:**

Người Đời Sống Trại với những phẩm chất đạo đức, khả năng chuyên môn của mình, đã từng sống đời sống ở Trại, gần với thiên nhiên, tiếp xúc thường xuyên với thiên nhiên, với vũ trụ rộng lớn, hưởng được những niềm vui từ cây cỏ, suối ngàn, sông, biển, trăng thanh gió mát... đã có kinh nghiệm về đời sống tập thể, tư tưởng tình cảm vô tư trong sáng cao thượng do Tinh Đồng Đội đem lại, học được nhiều bài học về vô thường vô ngã, khi đối diện với trời cao biển rộng, sẽ có nhiều kinh nghiệm bản thân để trao truyền cho trại sinh của mình về:

**\*\* Lợi ích của nếp sống thiên nhiên**

**\*\* Những bài học từ thiên nhiên**

**\*\* Những khó khăn phải vượt qua nhờ sự tháo vác, tinh thần đồng đội, tính kỷ luật v.v..**

- \*\* Bạn với Ta là Một
- \*\* Vũ trụ với ta là Một

#### **4. Người ĐST là người nắm rõ mục đích huấn luyện:**

- \*\* Nắm vững Nội Quy và Quy Chế Huynh Trưởng.
- \*\* Đào tạo những con người kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp (kế thừa truyền thống là cao nhất): sống trong chánh niệm, giữ Giới, tôn trọng Luật Đoàn, kính trên nhường dưới...
- \*\* Đào tạo những con người sống tốt 2 đời sống (cuộc sống bình thường và đời sống tâm linh): người Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử có đến 2 Gia Đình: một là gia đình thế gian gồm cha mẹ, vợ, chồng, con cái... hai là Gia Đình Phật Tử; chúng ta phải chăm lo 2 gia đình ấy và xem trọng như nhau; nếu ta chỉ biết Gia Đình Phật Tử mà bỏ bê Gia đình thế gian là ta thiếu bốn phận làm cha, làm mẹ, làm vợ, làm chồng, làm con v.v... Ngược lại, nếu ta chỉ biết gia đình thế gian mà bỏ bê Gia Đình Phật Tử thì ta đã không hoàn thành sứ mệnh của người Huynh trưởng Áo Lam đối với đàn em của mình, tuổi trẻ Phật giáo Việt Nam ở Hải ngoại rồi!
- \*\* Mở rộng tầm nhìn (về con người, về tổ chức, về vị trí của người Huynh trưởng huấn luyện viên và đối tượng huấn luyện): người Đời Sống Trại nhờ có Phật Pháp hiểu được về con người ngủ uẩn, một cơ chế vô ngã, và vô thường nên không quá nuông chiều thân này, trái lại dùng nó để phục vụ, để sống có lợi ích cho tha nhân.

Vị trí người Huynh Trưởng huấn luyện viên nói chung, người Đời Sống Trại nói riêng và

đối tượng huấn luyện của mình là vị trí của anh em, chị em với mục đích trao truyền mà không phải là nhồi nhét; yêu thương tha thứ bao dung chứ không phải sát phạt, đối phó, thù hằn v.v...

**5. Người Đòi Sống Trại là sợi chỉ xuyên suốt kết nối tất cả các thành viên của Trại, từ Ban Quản Trại đến trại sinh:**

**NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI ĐÒI SỐNG TRẠI:**  
chịu trách nhiệm trước Ban Quản Trại và trại sinh.

- Về sinh hoạt:
  - \*\* Vật chất (ăn uống, ngủ nghỉ, vệ sinh v.v...) đáp ứng những nhu cầu của trại sinh.
  - \*\* Sức khỏe (thuốc men, dự phòng cấp cứu v.v... ): quan tâm hàng đầu đến sức khỏe, vệ sinh về ăn uống, ngủ nghỉ của trại sinh
  - \*\* Học tập: quan tâm đến những trại sinh yếu về văn hóa, về sức khỏe v.v...
- Về thi cử, ôn tập v.v... : giúp trại sinh bằng cách theo dõi các buổi giảng để có thể phụ đạo cho trại sinh không theo kịp... Vấn đề không phải cần thi đậu, trúng cách... mà là sự cố gắng, nỗ lực tinh tấn tận tụy thân của trại sinh...
- Phân biệt “Chân dung người Đòi Sống Trại” của các Trại từ nhỏ đến lớn: Anôma Ni Liên Tuyệt Sơn, Lộc Uyển, A Dục, Huyền Trang.

❖ Đối với Trại Huấn Luyện Đồi Chúng trưởng, Đồi Thứ Đàn A Nô Ma – Ni Liên - Tuyết Sơn: Trại sinh của Trại này đều còn non nớt, nhưng đang thời kỳ phát triển về cả thể lẫn trí nên rất hăng hái, ham học hỏi... Đây là trại huấn luyện đầu đời của cấp lãnh đạo nhỏ nhất nhưng quan trọng nhất, căn bản nhất, cần một người Đồi sống Trại am tường trong chuyên môn và già dặn trong tâm lý để các em trại sinh thấy mình được ưu ái, săn sóc, không cô đơn lạc lõng. Đây cũng là Trại huấn luyện gồm những Đồi Chúng Trưởng, Đồi, Thứ Đàn được lựa chọn, xuất sắc của các Đơn vị nên tương đối các em sinh hoạt rất sinh động, hứng thú và rất biết vâng lời Ban Quản Trại; vì vậy người Đồi Sống Trại vừa rất thân ái với trại sinh cũng vừa nghiêm túc, thưởng phạt công minh; Trại này được hướng dẫn theo tinh thần Hòa Tin Vui đối với Trại sinh Tuyết Sơn và tinh thần Bi Trí Dũng đối với trại sinh Anôma Ni Liên - Tình Thương, Tinh tấn (+ Trí tuệ) và Kỷ luật. Người Đồi Sống Trại xử sự trong sinh hoạt cũng như trong khi chơi Trò Chơi lớn, cố gắng hướng các em trại sinh đến những mục tiêu này. Tâm lý ngành Thiếu là tâm lý phức tạp nhất nên người Đồi Sống Trại của Trại Anôma Ni Liên cũng là một người đặc biệt, biết “cương” biết “nhu” biết “tiên” biết “thoái” biết “động” biết “tĩnh” v.v... tùy theo trường hợp để có thể chế ngự “những con ngựa chững trên đất trại” (theo tâm lý “có tài có tật” của những nam/nữ trại sinh thiếu niên tính tình đặc biệt, “sáng nắng chiều mưa buổi trưa sương mù” rất khó chiều chuộng) Tuy nhiên, những huấn luyện đầu đời này in đậm vào tâm tư các em, rất có ích cho các em và cho tổ chức; nếu được huấn luyện tốt, các em sẽ là những viên gạch chắc, tốt, xây nền móng cho nhà Lam vững bền sau này. Đó là lý do vì sao phải chọn người Đồi Sống Trại giỏi, vừa giỏi tâm lý, vừa

nhanh nhẹn, thông minh, nhiều sáng kiến, áp dụng nghiêm túc Luật Trại lại vừa cởi mở, bao dung đối với trại sinh.

- ❖ Đối với Trại Lộc Uyên: Đây cũng là một Trại huấn luyện với thành phần trại sinh phức tạp về tuổi tác (có người 18 tuổi nhưng cũng có người trên 28 tuổi, đã có gia đình con cái nữa) về trình độ văn hoá và khả năng (nghề nghiệp chuyên môn ngoài đời, thâm niên trong tổ chức v.v...) Phần đông là học sinh Trung học và đại học cho nên lớp trẻ thường năng động hơn, xuất sắc hơn về nhiều mặt. Bên cạnh đó có những thành phần như “bạn Đoàn” hay giáo viên dạy Việt ngữ nhưng muốn làm quen với đời sống Huỳnh Trường v.v... thì hơi xa lạ với những sinh hoạt Gia Đình Phật Tử, một số có những khả năng chuyên môn đặc biệt nên ban đầu có thái độ tự mãn, xem thường môn học trong chương trình huấn luyện. Người Đời Sống Trại Lộc Uyên là một Huỳnh trưởng có khả năng thiện xảo trong nhiều bộ môn, biết khéo léo cho những trại sinh “tự mãn” những bài học kín đáo mà “nhớ đời” để đối trị với thái độ coi thường một vài giảng viên hay vài môn được truyền dạy trong chương trình. Những bài học “ngoại khóa” của người Đời Sống Trại, vì vậy, đôi khi có tác dụng gấp nhiều lần những bài giảng chính khóa trong phòng học. Ngoài ra, trại Lộc Uyên là trại đầu đời của người Huỳnh trưởng, tinh thần chịu đựng, khắc phục khó khăn là chủ yếu. Người Đời Sống Trại chính là người “dạy” cho trại sinh những điều đó qua nghệ thuật điều khiển của mình, dưới hình thức những trò chơi, những công tác mà trại sinh không ngờ đó chính là thực tập, rèn luyện sức chịu đựng, tính nhẫn nại v.v... của mình. Để phụ tá cho mình, người Đời Sống Trại biết sử dụng lực lượng Huỳnh Trưởng trẻ, giỏi, đa năng đa hiệu mà khiêm



tồn, vận dụng khả năng của họ đề ra những công tác (làm mà chơi, chơi mà làm) để nâng cao tinh thần trại.

- ❖ Đối với Trại A Dục: Trại sinh của trại A Dục tương đối hoàn chỉnh, về cả khả năng chuyên môn lẫn tư cách tác phong nên công việc của Đời Sống Trại ở đây tương đối nhẹ nhàng hơn đối với Lộc Uyên. Người trại sinh A Dục mang trên mình những sắc thái riêng của đơn vị mình, khả năng chuyên môn riêng của bản thân mình, nên người Đời Sống Trại được bắt gặp ở đây những phong cách mới, những hiểu biết mới, những chuyên môn đa dạng; hơn hết trong các trại nào khác, người Đời Sống Trại vừa dạy vừa học, vừa trao truyền vừa tiếp nhận những sở trường của những huynh trưởng trại sinh xuất sắc từ khắp nơi hội tụ về; vì vậy trại A Dục nên tổ chức tập trung chứ không nên tổ chức riêng lẻ từng Miền, để Ban Quản Trại được biết những tinh hoa của các Miền qua lực lượng trại sinh tham dự trại A Dục. Người Đời Sống Trại không phải học hỏi bằng cách “sao chép” từ các trại sinh mà là biết biến những cái đó thành sở trường của mình, làm cho ngay chính tác giả cũng khó nhận ra, đó chính là nghệ thuật “vừa dạy vừa học” của người Đời Sống Trại A Dục. Nhiệm vụ chủ yếu của người Đời Sống Trại A Dục là khơi dậy ý thức trách nhiệm nơi Trại sinh, khơi dậy nguồn cảm hứng nơi họ để từ đó có thể làm bộc lộ những khả năng đặc biệt của họ, và mình có thể khai thác, vận dụng vào các công việc chung. Về phẩm chất và cấp bậc, người Đời Sống Trại của trại A Dục phải là một Huynh trưởng cấp Tín hay đã qua trại huấn luyện Huynh Trưởng cấp 2 Huyện Trang, là một Huynh Trưởng mẫu mực của Đơn vị, của Tổ chức.

❖ Đối với Trại Huyện Trang: Trại sinh Huyện Trang hầu hết là trên 25 tuổi đời, là những Liên đoàn trưởng tương lai, đã từng là giảng viên hay ban viên Ban Quản Trại trong những trại dưới, cho nên khả năng chuyên môn và kiến thức tổng quát của họ nói chung là phong phú và đa dạng. Ở đây, người Đồi Sống Trại cũng vừa dạy vừa học nơi những trại sinh của mình và hơn thế nữa, là tấm gương để trại sinh nhìn vào, noi theo. Nói cách khác, người Đồi Sống Trại trong bất cứ Trại huấn luyện nào cũng phải lấy thân giáo làm đầu, vì hình ảnh người Huynh Trưởng Đồi Sống Trại đối với trại sinh chính là hình ảnh tiêu biểu của Ban Quản Trại. Trong sinh hoạt dân chủ của Trại Huyện Trang, người Đồi Sống Trại là người đại diện Ban Quản Trại phối hợp công tác với Hội đồng Trại sinh (HĐTS) và cùng chịu trách nhiệm về sinh hoạt của Trại trong ngày - Mỗi ngày đều bầu lại Hội Đồng Trại Sinh. Tuy nhiên bắt đầu ngày thứ 2 mới có Hội Đồng Trại Sinh, còn ngày đầu tiên, công việc của Đồi Sống Trại rất nặng nề: phải lo ổn định đời sống, phải tạo một nề nếp, một không khí hưng phấn cho Trại để làm mẫu mực cho những ngày kế tiếp. Và bắt đầu ngày thứ hai, tuy công việc điều khiển không còn trực tiếp nữa nhưng Đồi Sống Trại vẫn phải quan tâm đến những buổi bầu cử Hội Đồng Trại Sinh, sao cho không khí “vận động bầu cử” thật sinh động và hào hứng. Ngoài ra, hằng ngày người Đồi Sống Trại phải luôn theo dõi, nhắc nhở để Hội Đồng Trại Sinh thực hiện thời khóa biểu đúng giờ, theo dõi tình hình học tập và thi cử của trại sinh v.v... cũng như vẫn phải quan tâm về ăn uống, sức khoẻ của trại sinh y như ở các Trại dưới. Nhìn chung nhiệm vụ người Đồi Sống Trại Huyện Trang rất nặng nề, đòi hỏi người Đồi Sống Trại phải là một Huynh Trưởng cấp Tấn hay một Huynh Trưởng

cấp Tín thâm niên, có uy tín đối với Tổ chức, có trình độ và khả năng chuyên môn về nhiều mặt. Điều đáng chú ý là người Đồi Sống Trại tuy không có khóa giảng chính thức nhưng chính là người thường xuyên giảng dạy, trao truyền cho trại sinh của mình nhiều bài giảng không cần có tên gọi, thích hợp với hoàn cảnh lúc đó, tình huống lúc đó nên sống động và hấp dẫn vô cùng, đánh mạnh vào tâm thức trại sinh có khi còn hơn những bài giảng chính khóa.

### **C. KẾT:**

Người Đồi Sống Trại gương mẫu không chỉ là người biết cầm còi, biết vạch những trò chơi lớn đặc sắc, biết cho những trò chơi nhỏ thật hào hứng hay biết điều khiển một buổi lửa trại thật sinh động... mà còn là người nắm tinh thần của toàn Trại. Một trại, bất cứ là Trại họp bạn, hay trại chu niên, đặc biệt là Trại huấn luyện... thành công hay thất bại nếu không hoàn toàn do người Đồi Sống Trại thì cũng trên 50% do trách nhiệm của người ấy mà ra. Ở Hoa Kỳ chúng ta, thường có Khối Sinh Hoạt, hay Ban Sinh Hoạt hay Trại Phó Sinh Hoạt... nên vai trò của Đồi sống Trại hình như “lu mờ” hơn ở Việt Nam; tuy thế nhiệm vụ của người Đồi Sống Trại cũng rất nặng nề, khó khăn, đòi hỏi người Đồi Sống Trại nhiều quan tâm vô cùng tế nhị và một trình độ chuyên môn rất cao của “nghề Trưởng”.

Mỗi huynh trưởng là một viên ngọc của tổ chức, một viên ngọc với nhiều khả năng còn “nằm ngủ” mà qua trại huấn luyện, những khả năng ấy mới được khai mở, đánh thức, để người huynh trưởng trở thành sắc bén hơn, năng động hơn, trong chuyên môn của mình, đóng góp nhiều cho Tổ chức, dìu dắt đàn em trong tương lai. Như người xưa đã nói:

*Ngọc kia chẳng dũa chẳng mài  
Cũng thành vô dụng, cũng hoài ngọc đi*

Chúng ta hãy sẵn sàng để được huấn luyện, để những tài năng còn tiềm ẩn đó có dịp được nở ra, để chúng ta có thể phục vụ hữu hiệu hơn, tốt hơn, hay hơn cho đàn em thân yêu của mình.

**Tâm Minh - Tâm Kiến**

# **Phương Pháp Truyền Đạt trong Giáo Dục Phật Giáo và trong Môi Trường Gia Đình Phật Tử**

## **A. NHẬP:**

Mục đích Giáo dục ở nơi nào và lúc nào cũng có mục đích làm thăng hoa cuộc sống, và chủ yếu của giáo dục là truyền đạt cho thế hệ kế thừa; Giáo Dục Gia Đình Phật Tử cũng không ngoại lệ, qua các trại huấn luyện cũng như qua tu học.

Nếu chỉ là phương pháp truyền đạt thì Đông Tây không khác nhau lắm, nếu chỉ là trong nhà Trường thì các phương pháp giáo dục và truyền đạt hiện đại cũng gần như nhau; ở đây, chúng ta nhấn mạnh về hai điểm đáng chú ý, đó là Giáo Dục Phật Giáo và môi trường Gia Đình Phật Tử.

Giáo dục Phật Giáo dạy những điều mà Luận Lý học Tây Phương không có, ví dụ như **Chân Đế và Tục Đế**, đó là 2 loại chân lý (Sự Thật), Chân lý tương đối (hay Tục Đế) và Chân lý tuyệt đối hay (Chân Đế). Tây phương với Tam đoạn Luận thì chỉ có một chân lý mà thôi; Luận Lý học Phật Giáo cũng có Tam đoạn luận mà còn có Tứ Tất Đản (là 4 tiêu chuẩn để trình bày sự Thật). Giáo dục Phật giáo còn có những phủ định làm sáng vấn đề hay làm cho người nghe không thể nào hiểu lầm được; ví dụ như đức Phật dạy: “trong 49 năm qua, ta chưa hề nói một lời nào” đó không phải là Ngài đã phủ nhận tất cả Kinh điển mà ngài đã nói ra sao? nhưng đó cũng làm cho chúng ta không chấp chặt vào những lời dạy đó để rồi dẫn đến những hiểu lầm tai hại. Sự phủ nhận này cũng tương tự như lời dạy: “Chân lý là mặt trăng, kinh điển là ngón tay chỉ đến mặt trăng, đừng bao giờ lầm ngón tay với mặt trăng” v.v...

Một Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử khi truyền đạt một bài học cho các em của mình (về Phật Pháp, Hoạt Động Thanh Niên, Việt ngữ...) hay một vấn đề quan trọng giữa một đại hội huynh trưởng hay giữa một cuộc hội thảo... không hoàn toàn giống với một thầy, cô giáo giảng bài cho học trò của mình trên lớp; cũng không giống một nhà sư thuyết pháp cho quần chúng hay một nhà truyền giáo Tây phương đi rao giảng Kinh Thánh v.v...

Vì sao? - xin thưa, vì đối tượng truyền đạt của chúng ta đủ mọi thành phần, mọi trình độ về học vấn, về ngôn ngữ, cả về văn hoá nữa! Ngoài ra người huynh trưởng chúng ta vừa dạy vừa học, có nghĩa là những điều chúng ta dạy các em chúng ta đã thực hành rồi hay là đang thực hành chứ không phải chỉ giảng bài, ghi lên bảng đen là xong đâu! Xa hơn nữa, **đối tượng của chúng ta (là các em, là các huynh trưởng tham dự) sau khi nghe vấn đề chúng ta trình bày nhưng không đủ khả năng nhận thức biết vấn đề ấy có thể áp dụng thực tế**

**hay không, chúng tỏ người ấy chưa lãnh hội được vấn đề!** Tất nhiên trách nhiệm không hoàn toàn ở người truyền đạt nhưng ít ra cũng 50% thuộc về trách nhiệm của người ấy! ☺ ☺ !!

Do đó, ở đây chúng ta chỉ khảo sát kỹ 3 vấn đề ảnh hưởng đến sự truyền đạt; đó là Tâm Lý Đối Tượng, Nhị Đế và Tứ Tất Đàn

## **B. TÂM LÝ ĐỐI TƯỢNG:**

Muốn thành công trong việc truyền đạt, theo quan điểm Phật giáo, chúng ta cần phải biết tâm lý đối tượng để có thể lôi cuốn họ vào mục đích của mình:

### **I. XÁC ĐỊNH NỘI DUNG:**

Nội dung đây là nội dung của tâm lý đối tượng không phải nội dung bài giảng. Sự xác định nội dung của tâm lý đối tượng tùy theo tư cách và vị trí xã hội của người giảng; ví dụ: một cư sĩ Phật tử giảng Phật Pháp cho quần chúng, một vị xuất gia nói Pháp cho đồng bào Phật tử, một Huynh trưởng Gia Đình Phật Tử dạy Phật Pháp cho các em, một Huynh trưởng dạy Hoạt Động Thanh Niên cho đoàn sinh, một Huynh trưởng dạy Việt ngữ v.v... tất cả những trường hợp trên đều là những nội dung khác nhau, đòi hỏi những cách ứng xử khác nhau để thích hợp cũng như để thành công trong việc truyền đạt.

### **II. TƯ CHẤT ĐẠO ĐỨC VÀ PHONG CÁCH TƯ DUY:**

Phong cách tư duy và ngôn ngữ giúp chúng ta chuyển tải nội dung giáo lý ấy hay vấn đề ấy; phong cách này biểu hiện qua khả năng phân tích và lý luận, biện giải vấn đề một cách thông suốt nhạy bén, sắc sảo (như Na Tiên Tỳ kheo trả lời vua Milanda là một ví dụ). Phong cách này ở đây được gọi chung là **4 vô ngại giải** mà trình độ thành tựu khác nhau tùy theo quá trình tu tập, rèn luyện.

1. **Pháp vô ngại giải:**

Đây là khả năng nắm bắt, phán đoán, lãnh hội một cách nhạy bén, vận dụng một cách thông suốt, tự tại các từ ngữ chuyên môn,... của một sự kiện hay một chủ đề giáo lý.

2. **Nghĩa vô ngại giải:**

Khả năng thông suốt, nhạy bén đối với nội hàm của các từ ngữ; tất nhiên từ ngữ phải tương xứng với trình độ, tập quán ngôn ngữ, và nhận thức của người nghe.

3. **Từ vô ngại giải:**

Thông thạo ngôn ngữ địa phương của thính chúng; nói năng lưu loát truyền cảm và đừng quên sự truyền cảm của tiếng mẹ đẻ là điều đã được chứng minh rất nhiều qua các sáng tác văn học.

4. **Biện vô ngại giải:**

Còn gọi là *lạc thuyết* hay *nhạo thuyết vô ngại giải*; đây là khả năng “biện tài vô ngại,” diễn đạt, biện luận khúc chiết rành mạch. Khả năng này do trí tuệ của diễn giả, trình độ tập trung tư tưởng và y cứ trên định tuệ, diễn giả trả lời, đối đáp trôi chảy với những câu hỏi vắn nạn, làm người nghe hứng thú vì hiểu rõ những vấn đề (đây là một biệt tài của tôn giả Phú Lô Na, vị đệ tử thuyết pháp đệ nhất của đức Phật hay của Na Tiên Tỳ kheo trong những câu chuyện đối thoại với vua Milanda làm chúng ta say mê theo dõi). Ngoài ra, người biện tài vô ngại phải có trực giác chính xác và nhạy bén đối với mức độ tiếp thu của thính chúng đối với đề tài được thuyết giảng.

III. ĐẶT VẤN ĐỀ VÀ PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ:

Mỗi vấn đề có bản chất lý luận riêng, Xác định được vấn đề thuộc loại nào, chúng ta có thể giúp người

nghe có cơ sở lý luận để lãnh hội dễ dàng hơn; có 4 chiều hướng để đặt vấn đề (và phân tích vấn đề):

**1. Nhất hướng:**

Ví dụ đề tài “Mọi người đều phải chết” vấn đề hiển nhiên, không cần bàn cãi

**2. Phân biệt:**

Ví dụ đề tài “Sau khi chết, cái gì đi tái sinh?": tùy theo tín ngưỡng tôn giáo, câu trả lời khác nhau và cơ sở lý luận là dựa vào giáo lý của tôn giáo ấy

**3. Cật vấn:**

Ví dụ đề tài “Địa vị con người trong Đạo Phật là cao hay thấp?” không thể trả lời dứt khoát vì phải biết đặt con người trong những tương quan khác nhau (Trời, A Tu La, Súc sanh v.v...)

**5. Xả Trí:**

Ví dụ đề tài “Thế giới này hữu hạn hay vô hạn” Câu hỏi này vượt quá trí tuệ loài người, cũng có thể là một vấn đề siêu hình hay khoa học... nhưng thấy trước không thể vượt qua được vì không có cơ sở chung (trình độ về khoa học, về tôn giáo, sự khác biệt tín ngưỡng, văn hoá...) cho nên nếu tranh luận hay lý luận đều không có lối thoát; những vấn đề này phải gác qua một bên! ☺ ☺ !!

Bốn trường hợp trên được coi là bản chất của đề tài / vấn đề được thảo luận. Bản chất ấy có khi khách quan, có khi chủ quan, có nghĩa là một số vấn đề được coi là nhất hướng, cật vấn hay xả trí... còn tùy thuộc nhận thức chủ quan của người nghe cũng như tùy thuộc vào cơ sở tư tưởng và ngôn ngữ đồng hay bất đồng giữa diễn giả và thính chúng. Vì vậy đôi khi để tránh cho buổi thuyết giảng khỏi bị dẫn đến tranh luận không lối



thoát, diễn giả cần liên hệ với thính giả để xác định đề tài sẽ được trình bày thuộc trường hợp nào trong 4 trường hợp trên.

#### IV. QUAN SÁT ĐỐI TƯỢNG:

Có 4 phương diện để nhận định đối tượng nghe có dễ dàng chấp nhận, lãnh hội những điều diễn giả sẽ nói hay không.

##### 1. Xứ/phi xứ:

Phán đoán các trường hợp: nên làm hay không nên làm; sự việc có thể xảy ra hay không thể xảy ra; vấn đề có kết luận hợp lý hay không hợp lý. Trình độ phán đoán của đối tượng tùy thuộc nhiều yếu tố như tuổi tác, sự phát triển của trí tuệ, học lực, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống và những điều kiện môi trường sinh hoạt nữa...

##### 2. Thuyết Dụ:

Trong khi thuyết giảng. diễn giả hay dùng những giả thuyết, những thí dụ để minh họa. Thuyết dụ là trình độ liên tưởng, khả năng lãnh hội những thí dụ, những giả thuyết v.v... được sử dụng. Một ví dụ thông thường như nói “Phật như là sư tử giữa loài người hay tiếng của Phật là tiếng sư tử hồng...” thính chúng có trình độ hiểu ngay phạm vi của thí dụ, mà không nhầm lẫn hiểu rằng Phật là một con sư tử! ☺ ☺ !!

##### 3. Sở tri:

Trình độ phán đoán của người nghe đối với vấn đề được trình bày; trình độ cần thiết để người nghe có thể phân biệt được trong những điều mình nghe, cái gì thuộc thế gian, cái gì thuộc xuất thế gian, cái

gì thuộc kinh nghiệm người đời, cái gì thuộc sở tri, sở chứng của bậc Thánh...

#### **4. Đạo tích:**

Khả năng phán đoán xem vấn đề được trình bày có liên hệ hay không liên hệ với sự tu tập. Mỗi vấn đề đều có khía cạnh áp dụng thực tiễn của nó. Những gì chỉ là lý thuyết suông phải được xem là không có nội dung của chân lý. Một thính giả nếu sau khi nghe xong một vấn đề mà không biết vấn đề ấy có thể áp dụng thực tế hay không thì rõ ràng người ấy chưa lãnh hội được vấn đề. Khả năng này tùy thuộc kinh nghiệm tu tập của người nghe cho nên người nghe chỉ có thể nắm bắt nhạy bén và thông suốt đề tài nào mình từng hành trí / rèn luyện, chứ không phải tùy thuộc đề tài mình đã nghe nhiều lần

### **C. NHỊ ĐẾ:**

Nhị đế là 2 sự thật, 2 chân lý hay “một thực tại 2 cách nhìn” hay như đã nói ở trên là “chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối”.

Còn nhiều cách nói khác, đó là “2 mặt của một vấn đề,” “bản chất và hiện tượng” hay “Tánh và Tướng”, “bản môn” và “tích môn”...

Lấy một ví dụ cho dễ hiểu: khi ta nói đến “nước” với chủ ý nói đến thành phần hoá học (hydro và oxy) của nó, hay về tính ướt của nó thì đó là nói đến bản chất, nhưng nếu ta nói đến “sóng” thì đó là nói về hiện tượng; bản chất thì không thay đổi, hiện tượng thì thay đổi liên miên. Tương tự như vậy, nước đá, nước sôi, hơi nước, sương v.v... đều cùng một bản chất nước (tánh) nhưng ở dưới những dạng khác nhau (tướng) vì những điều kiện về nhiệt độ, áp suất của môi trường khác nhau...

Ví dụ, khi nói: đức Phật Thích Ca sắp giảng Kinh Pháp Hoa đó là nói về 1 sự kiện lịch sử (“tích môn”), còn khi nói rằng “đức Phật đã giảng Kinh Pháp Hoa trong nhiều đời nhiều kiếp xa xưa,” đó là nói đến “bản môn” (chân lý đã có tự muôn đời)

Đây là nói với Huynh Trưởng còn với đoàn sinh bao giờ chúng ta cũng giới hạn trong những sự kiện lịch sử (tích môn) chứ nếu không, các em sẽ hiểu lầm là mê tín, dị đoan v..v..

#### **D. TỨ TÁT ĐÀN:**

- I. Thế giới tất đàn
- II. Vị nhân tất đàn
- III. Đối trị tất đàn
- IV. Đệ nhất nghĩa tất đàn

Đây là nét đặc sắc của Giáo dục Phật Giáo nói chung hay giáo dục của đức Thế Tôn nói riêng. Trong một thời Pháp của đức Thế tôn lúc ngài còn tại thế, Ngài thường vận dụng 4 tiêu chuẩn hay 4 nguyên tắc để trình bày một vấn đề (một sự thật, một chân lý...)

Trước hết, Ngài tùy thuận thính chúng, nói những điều thế gian ưa thích, không nói những cái cao siêu, để họ thấy dễ nắm bắt vấn đề, dễ gần gũi với người nói; đó là **thế giới tất đàn**

Tùy theo căn cơ trình độ, tâm lý, những chủng tử đã huân tập của từng chúng sanh, mà đức Phật thuyết pháp thẳng những vấn đề của họ, sâu hay cạn, cao hay thấp tùy theo đó, làm cho họ phát khởi lòng tin, sự an lạc để nuôi lớn thiện căn v.v... đó là **vị nhân tất đàn**.

Tùy theo tâm bệnh của chúng sinh (bệnh tham dục, ngã mạn, si mê, độc ác...) ngài dạy họ về tâm từ, về đức khiêm cung, về Nhân quả, Nhân duyên, Duyên Khởi v.v... và vô số Pháp dược khác để đối trị, nghĩa là chữa

lành bệnh cho họ, làm cho tâm họ được cân bằng và an ổn trở lại, dứt được tà kiến, ác tâm... đó là **đối trị tất đàn**

Đối với những người có căn cơ cao, đầy đủ trí tuệ, và cơ duyên đã thuận thực, đức Phật mới nói thẳng về Thật tướng của các Pháp cho họ để họ có thể “thực chứng” được chân như, đó là **đề nhất nghĩa tất đàn**

Vận dụng Tứ tất Đàn vào công việc giảng dạy đàn em chúng ta cũng vậy, ví dụ bài Quy y Tam Bảo, với các em Oanh Vũ chúng ta chỉ nhắc qua, với ngành Thiểu đã có khác biệt, ví dụ nói chi tiết về 5 Giới, ngành Thanh cao hơn một chút, ví dụ liên hệ 5 Giới với 5 Điều Luật và khi nói với anh chị em huynh trưởng lại nói sâu hơn, về lý qui sự qui, về ý nghĩa của Thanh Văn giới, Bồ tát Giới v.v...

Một ví dụ khác, khi nói về Lịch sử đức Phật Thích Ca, chúng ta đâu có thể nói với các em Oanh Vũ rằng “Ngài là Bồ tát Hộ Minh từ cõi Trời...” (bởi vì nói như vậy các em sẽ hỏi tới, chúng ta không thể trả lời được! ☺ ☺ !!) nhưng với Huynh trưởng chúng ta còn có thể nói “tất cả những sự kiện như đản sanh, xuất gia, thành đạo... đều là ***thị hiện...***” chữ thị hiện các em nhỏ không thể hiểu được; chúng ta còn có thể nói về 10 đạo quân của Ma Vương hay những quyển rũ của chúng mà Thái Tử Tất Đạt Đa (Sidhartha) đã chiến thắng v.v...

## **E. KẾT:**

Mặc dù chúng ta chú trọng thực hành chứ không quá coi trọng lý thuyết, mặc dù chúng ta chủ trương làm nhiều hơn nói v.v... nhưng chúng ta cần phải trao truyền lại cho đàn em của chúng ta những kỹ năng chúng ta đã có, và chúng ta cũng phải được anh chị của chúng ta trao truyền lại cho chúng ta... mà việc trao truyền không thể thiếu ngôn ngữ, thiếu chữ viết được! Do vậy mà chúng ta cần có tài liệu, lý thuyết, cần góp nhặt những kiến thức

của những người đi trước, và biến những lý thuyết ấy thành hiểu biết của mình, khả năng của mình, đó chính là mục đích tối hậu của sự trao truyền, truyền đạt, truyền nghề v.v...

Người Huynh trưởng Đồi Sóng Trại cần phải trang bị cho mình những hiểu biết không chỉ thuộc phạm vi chuyên môn của mình mà còn ở nhiều lãnh vực, bởi vậy, tuy không đứng lớp giảng dạy nhưng vẫn phải nắm nguyên tắc truyền đạt, không dạy Phật Pháp nhưng vẫn phải biết những Trại A Dục, Lộc Uyển, Huyền Trang đã được giảng dạy những nội dung Phật Pháp nào v.v...

Về phương pháp truyền đạt thì không bao giờ cũ nhưng những trợ huân cụ cho việc trao truyền, giảng dạy thì luôn luôn mới; ngày xưa chúng ta chỉ có máy quay ronéo, projector, ngày nay đã có computer, máy in, laptop hay rộng rãi hơn là trên net, trong các diễn đàn... làm cho những buổi giảng trở nên linh hoạt, sống động, gây chú ý cho người nghe, tạo nhiều thuận lợi cho người nói... Tuy nhiên trong trường hợp phải giảng bài trong rừng, thiếu ánh sáng, không có điện, không thể sử dụng bất cứ loại máy móc nào, nghĩa là ở những nơi thiếu những phương tiện hiện đại, người Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử nói chung, người Đồi Sóng Trại nói riêng vẫn có thể nói chuyện, giảng bài... được như thường; đó là vì người Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử không chỉ biết ghi bài trên giấy mà còn biết ghi trong tâm, trong óc; không chỉ ngồi trên bàn mới học được mà ngồi dưới gốc cây, trên bãi cỏ,... vẫn học được, bằng cách là chúng ta vẫn ghi nhận những bản tin, giải những mật thư... trong rừng hay giữa đường, và những câu chuyện lừa tào, câu chuyện dưới cờ, đâu có ai ghi mà sao vẫn nhớ?

Tuy nhiên, phương pháp nào cũng phải kèm theo nghệ thuật; phương pháp dù có hay bao nhiêu mà truyền đạt không có nghệ thuật, nghĩa là không khéo léo, không

biết vận dụng nhuần nhuyễn ngôn ngữ, ý tứ, đề tài thiếu hấp dẫn, thiếu thực tế, lý luận thiếu tính cách thuyết phục, v.v... thì sự truyền đạt khó có thể thành công nghĩa là không hữu hiệu, người nghe không thu thập được nhiều.

Do đó, tài liệu chỉ là chữ nghĩa, cách thức mình trình bày, truyền đạt mới là chủ yếu; chúng ta phải thường xuyên tập luyện mới có thể thành công trong vấn đề truyền đạt trọn vẹn nội dung của một đề tài được giao phó.

**tâmminh**

